

Số: 626 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

50



**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Chí Dũng



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH

Vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 626 /QĐ-TTg

ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030” (sau đây gọi là Chương trình/Chương trình GoGlobal) với các nội dung sau:

### I. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG

#### 1. Quan điểm

a) Đổi mới tư duy vươn ra thị trường quốc tế một cách chủ động, toàn diện hơn trên tất cả các ngành, lĩnh vực như thương mại, đầu tư, tài chính, công nghệ, văn hóa, xã hội, du lịch, con người... để mở rộng không gian tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế và thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế.

b) Doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân là lực lượng quan trọng dẫn dắt quá trình vươn ra thị trường quốc tế nhằm tăng cường mức độ độc lập, tự chủ chiến lược của đất nước; phát huy tinh thần doanh nhân, nguyên tắc làm chủ, dám nghĩ, dám làm, đi trước, đón đầu; chia sẻ trách nhiệm với Chính phủ.

c) Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, đồng hành cùng doanh nghiệp chủ động vươn ra thị trường quốc tế trên tinh thần hỗ trợ, chia sẻ rủi ro và cam kết thực hiện; tạo không gian thử nghiệm chính sách mới nhằm giảm rủi ro, tích lũy kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình thành công.

#### 2. Định hướng

a) Tập trung giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, chính sách để khuyến khích, tạo thuận lợi và kiểm soát rủi ro đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp tại thị trường nước ngoài; bảo đảm cơ chế tiếp cận thị trường các nguồn lực (đầu tư, tài chính, hạ tầng, công nghệ, thông tin, nguồn nhân lực...) thông thoáng và thủ tục hành chính tinh gọn, tương thích với các nền kinh tế có sức cạnh tranh cao.

b) Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh ở thị trường nước ngoài đối với các ngành, lĩnh vực và thị trường mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh quốc tế, có giá trị gia tăng và tiềm năng lan tỏa cao; tập trung đầu tư chiến lược, mua bán và sáp nhập (M&A), xây dựng trung tâm phân phối, kho ngoại quan,

khu công nghiệp, hệ thống bán buôn và bán lẻ, đại lý, văn phòng đại diện, văn phòng nghiên cứu và phát triển (R&D) và dịch vụ sau bán hàng tại thị trường nước ngoài.

c) Ưu tiên các doanh nghiệp có năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và có năng lực cạnh tranh vượt trội trong một số ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, có khả năng dẫn dắt ngành, lĩnh vực; tạo sức lan tỏa trong chuỗi giá trị; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có mô hình kinh doanh toàn cầu.

## **II. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**

### **1. Mục tiêu**

#### **a) Mục tiêu chung**

Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam gia tăng sự hiện diện ở nước ngoài một cách toàn diện, hiệu quả và bền vững cả về quy mô và chất lượng thông qua hoạt động đầu tư, kinh doanh quốc tế và hội nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

#### **b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Tối thiểu 10.000 lượt doanh nghiệp được đào tạo về triển khai hoạt động đầu tư và kinh doanh toàn cầu; 1.000 doanh nghiệp được tư vấn và xây dựng kế hoạch vươn ra thị trường quốc tế.

- Tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu, toàn diện để đầu tư ra nước ngoài, trong đó 30% doanh nghiệp đầu tư theo phương thức M&A.

- Tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu, toàn diện từ nghiên cứu, thiết kế, sản xuất đến phân phối và xây dựng thương hiệu quốc tế để tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, trong đó, tối thiểu 20 doanh nghiệp lớn trong các ngành mũi nhọn, chiến lược tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu, toàn diện hoạt động hiệu quả trên các sàn giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới của Việt Nam và quốc tế, trong đó, tối thiểu 10 doanh nghiệp đạt doanh thu xuất khẩu trực tuyến trên 10 triệu USD.

### **2. Phạm vi**

Chương trình thực hiện trên toàn quốc, trong giai đoạn 2026 – 2030.

### **3. Đối tượng tham gia Chương trình**

a) Cơ quan, cá nhân thụ hưởng Chương trình, gồm: (i) Các doanh nghiệp từ khu vực kinh tế tư nhân và (ii) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan tham gia Chương trình.

b) Cơ quan quản lý Chương trình: Được Chính phủ giao quản lý ngành lĩnh vực, địa bàn phụ trách, gồm: (i) Các bộ, cơ quan ngang bộ; (ii) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); (iii) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp xã) và các đơn vị trực thuộc.

c) Cơ quan triển khai thực hiện các hoạt động Chương trình: Được bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí để triển khai hoạt động của Chương trình thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách, gồm: (i) Các đơn vị thuộc, trực thuộc; (ii) Các hội, hiệp hội, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tạo lập khung thể chế đồng bộ, minh bạch và thuận lợi nhằm khuyến khích, hỗ trợ và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh tại thị trường nước ngoài

a) Thường xuyên rà soát, giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, chính sách và pháp luật để hỗ trợ, khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế.

b) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, các yêu cầu, trình tự thủ tục cấp phép, phê duyệt các hoạt động đầu tư, kinh doanh quốc tế nhằm tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn về thủ tục, tài chính, pháp lý và quản trị rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh ở nước ngoài như cơ chế chuyển vốn, thanh toán quốc tế, chính sách thuế và quản lý ngoại hối phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

c) Nghiên cứu, đề xuất thành lập mô hình Quỹ hoặc hình thức phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế, bảo đảm rõ nguyên tắc hoạt động, lĩnh vực, hình thức và cơ chế hỗ trợ nhằm tạo thuận lợi và chia sẻ rủi ro cho doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế về vốn, tín dụng, bảo lãnh, bảo hiểm xuất khẩu và đầu tư ra nước ngoài.

d) Trên cơ sở quy chế của Chương trình Thương hiệu quốc gia, rà soát, nâng cấp và hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu quốc gia, đăng ký bảo hộ, áp dụng chung cho tất cả sản phẩm, dịch vụ Việt Nam đáp ứng được các tiêu chí của Chương trình để sử dụng thống nhất trên thị trường trong nước, quốc tế; bảo đảm hình ảnh quốc gia nhất quán, chuyên nghiệp và dễ nhận biết; tạo điều kiện thuận lợi để các ngành hàng cùng phát huy giá trị thương hiệu chung của quốc gia.

đ) Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về thành lập các tổ chức đại diện doanh nghiệp của Việt Nam ở nước ngoài để thể chế hóa và tạo thuận lợi cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh quốc tế. Nghiên cứu thành lập Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài (Vietcham) ở một số thị trường trọng điểm.

2. Xây dựng nền tảng thông tin, nhận thức và năng lực vươn ra thị trường

quốc tế, hình thành tư duy chủ động, dài hạn và chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư, kinh doanh quốc tế

a) Triển khai chiến dịch truyền thông để lan tỏa và thu hút các doanh nghiệp, cơ quan và tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp tham gia; tổ chức các hội thảo, tọa đàm, chuyên mục trên báo chí và truyền hình, truyền thông, mạng xã hội trong nước và quốc tế; các chiến dịch quảng bá Vietnam GoGlobal trên các kênh truyền thông quốc tế; các hoạt động xúc tiến đầu tư, kinh doanh quốc tế, kết nối B2B theo ngành hàng, lĩnh vực và tại các thị trường trọng điểm và các diễn đàn Việt Nam vươn ra thị trường quốc tế (Vietnam GoGlobal Forum).

b) Thực hiện các chương trình đào tạo, phổ biến thông tin và tư vấn cho doanh nghiệp về chiến lược vươn ra thị trường quốc tế, pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế, quản trị rủi ro và văn hóa kinh doanh quốc tế, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại thị trường nước ngoài, sử dụng các phương thức thanh toán xuyên biên giới hiện đại, an toàn dựa trên các công nghệ tài chính số (fintech); hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, mạng lưới chuyên gia tư vấn, cố vấn.

c) Trang bị nhận thức đầy đủ cho đội ngũ cán bộ từ trung ương đến địa phương và ở nước ngoài; đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh quốc tế (các kỹ năng về đàm phán, hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, tổ chức các sự kiện kết nối quốc tế...).

d) Tăng cường năng lực cho mạng lưới các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế (các hiệp hội, các tổ chức tư vấn công và tư) và chuyên gia tư vấn đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn, có kết nối với mạng lưới quốc tế.

đ) Ban hành các tài liệu, cẩm nang hướng dẫn, bản tin, các báo cáo chuyên đề, chuyên sâu về thị trường, ngành hàng, thị hiếu, văn hóa, pháp luật, sở thích, xu hướng của người tiêu dùng quốc tế, đầu tư quốc tế, kết nối kinh doanh quốc tế.

e) Tổ chức các hoạt động vinh danh cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu vươn ra thị trường quốc tế; các mô hình thành công, tạo giá trị đột phá, các điển hình doanh nhân sáng tạo vượt khó vươn ra thị trường quốc tế.

g) Xây dựng và vận hành đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu (Vietnam GoGlobal Platform), tạo nền tảng thông tin cập nhật và ổn định dài hạn cho doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế trên cơ sở tích hợp hệ thống sẵn có, kết nối với các thị trường và tổ chức quốc tế; mạng lưới hiệp hội, tổ chức và cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; mạng lưới các nhà đầu tư, các nhà mua hàng quốc tế; chia sẻ dữ liệu, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kết quả thực hiện Chương trình; cung cấp thông tin về các hỗ trợ, ưu đãi dành cho doanh nghiệp; tiếp nhận nhu cầu và phản hồi của hiệp hội, doanh nghiệp và các bên liên quan tham gia Chương trình.

3. Khuyến khích, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là đầu tư M&A để tiếp cận nguồn lực thế giới, mở rộng không gian tăng trưởng kinh tế và tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

a) Tư vấn chuyên sâu cho doanh nghiệp xây dựng chiến lược đầu tư quốc tế và mô hình xâm nhập thị trường phù hợp như hợp đồng hợp tác kinh doanh (BOT, PPP, BCC, BTO...), thành lập công ty, văn phòng đại diện, liên doanh với công ty địa phương hoặc công ty quốc tế; thành lập chi nhánh, nhượng quyền, hợp đồng cấp phép; M&A; góp vốn, mua cổ phần...

b) Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối và đầu tư phát triển tại thị trường mục tiêu; hỗ trợ chuyên sâu về pháp lý và đàm phán hợp đồng đầu tư, sở hữu trí tuệ, tuân thủ pháp luật sở tại; giải quyết tranh chấp; đăng ký bằng sáng chế, bản quyền phần mềm, nhãn hiệu tại các thị trường trọng điểm; thông tin chuyên sâu về môi trường đầu tư kinh doanh quốc tế, pháp lý, thuế quan, rủi ro đầu tư; chiến lược phát triển, thu hút đầu tư của các thị trường chiến lược.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các kênh huy động vốn trong và ngoài nước, bao gồm quỹ đầu tư mạo hiểm, các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư quốc tế, các ngân hàng thương mại, các chương trình tài trợ quốc tế về nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ nhằm mở rộng cơ hội huy động vốn cho các dự án đầu tư ra nước ngoài. Cung cấp các gói hỗ trợ chuyên biệt, toàn diện về vốn, tín dụng, bảo hiểm, bảo lãnh đầu tư ra nước ngoài, hỗ trợ nâng cao năng lực... từ các quỹ, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hiện hành.

d) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp về xúc tiến đầu tư kinh doanh tại các thị trường trọng điểm, làm việc trực tiếp với các nhóm đối tác liên quan; tham gia các đoàn công tác của Chính phủ, bộ, ngành và địa phương; triển khai các diễn đàn, hội nghị, các chương trình kết nối đối tác trong và ngoài nước...; kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp của nước sở tại để tạo liên minh chiến lược; tiếp cận khách hàng đúng phân khúc và tiếp cận công nghệ nguồn ở nước ngoài.

đ) Hỗ trợ chuyên biệt, toàn diện cho một nhóm doanh nghiệp tiêu biểu, có năng lực thị trường, tài chính xây dựng và triển khai chiến lược quốc tế hóa thông qua đầu tư M&A trong các ngành chiến lược ở nước ngoài để thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao, tiếp cận mô hình quản lý tiên tiến theo toàn bộ chu trình dự án như: Cung cấp, hỗ trợ thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu M&A toàn cầu và các thị trường chiến lược; kết nối mạng lưới đối tác nước ngoài; tư vấn, hỗ trợ đàm phán hợp đồng, tư vấn về pháp lý và quy định về M&A của các thị trường, ngành hàng chiến lược; hỗ trợ, hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện M&A ở nước ngoài (cấp phép đầu tư, chuyển tiền ra nước ngoài, bảo lãnh tín dụng đầu tư...); hỗ trợ kết nối với mạng lưới chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ uy tín trong nước và quốc tế để đánh giá, thẩm định công nghệ và tài sản trí tuệ...

4. Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong xuất khẩu và tăng cường mức độ độc lập, tự chủ chiến lược của nền kinh tế và phát triển bền vững

a) Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển vùng nguyên liệu trong và ngoài nước; kết nối doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học và các đối tác tiềm năng trong hệ sinh thái để phát triển sản phẩm mới; cung cấp các khóa tập huấn, đào tạo chuyên sâu về kỹ năng thiết kế mẫu, sản phẩm phù hợp với thị trường quốc tế; hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu thị trường, thiết kế, xây dựng thương hiệu quốc tế; thiết kế và phát triển bao bì cao cấp.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cấp chuỗi sản xuất trong nước và tăng cường năng lực nội địa hóa; nâng cao năng lực sản xuất phụ tùng, cụm linh kiện, nguyên vật liệu, linh kiện cho sản xuất, lắp ráp các sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp đầu chuỗi; hỗ trợ, tư vấn chuyên giao công nghệ, mua bán công nghệ, bí quyết kinh doanh; hỗ trợ kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi; xây dựng và phát triển mạng lưới các nhà cung cấp trong nước; xây dựng danh mục thiết bị, linh phụ kiện đầu vào, sản phẩm xuất khẩu có thể sản xuất trong nước phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp dẫn đầu chuỗi; thiết lập các kênh liên lạc, trao đổi thông tin để hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường phát triển mạng lưới đối tác, chia sẻ các thông tin về nhu cầu mua hàng; triển khai các chương trình đào tạo, hướng dẫn chuyên sâu về nâng cao năng lực cho các nhà cung cấp trong nước.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các kênh phân phối ở nước ngoài; đàm phán, kết nối với nhà phân phối bán buôn, bán lẻ quốc tế; đáp ứng các yêu cầu, quy định, tiêu chuẩn tham gia mạng lưới của các nhà phân phối quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống phân phối ở nước ngoài (kho bãi, văn phòng đại diện, phát triển hệ thống cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, đại lý, nhượng quyền thương mại...); hỗ trợ đào tạo, tư vấn chuyên sâu về xây dựng, quản lý kênh phân phối quốc tế; xây dựng và vận hành hệ thống các trung tâm dịch vụ sau bán hàng trên thị trường quốc tế; phát triển hệ thống chăm sóc khách hàng quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển dịch vụ hậu cần logistics kinh doanh quốc tế và quản lý chuỗi cung ứng quốc tế, tối ưu hóa các hoạt động vận chuyển, quản lý kho bãi và truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

d) Hỗ trợ, tư vấn chuyên sâu cho doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu tham gia chuỗi về giảm phát thải: tiêu chuẩn sản phẩm, chứng nhận xuất xứ về dấu chân các-bon, báo cáo chuỗi cung ứng và thẩm định doanh nghiệp (due diligence) về khai báo giảm phát thải các-bon, tuần hoàn vật liệu, bảo vệ đa dạng sinh học...; xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh phát thải thấp, đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

đ) Triển khai các gói hỗ trợ toàn diện cho doanh nghiệp nâng cấp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (hỗ trợ về đầu tư, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, cải tiến và nâng cấp công nghệ, hỗ trợ về đất đai, hạ tầng, các hỗ trợ về thuế,

phí, nâng cao năng lực... theo các quy định hiện hành) như đầu tư nâng cấp sản xuất linh kiện, vật liệu trong nước; nghiên cứu, phát triển và đổi mới sản phẩm, quy trình sản xuất; thực hiện xanh hóa chuỗi (hỗ trợ tuân thủ các quy định về môi trường và sản xuất bền vững); phân phối sản phẩm ở nước ngoài (thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài, kết nối với hệ thống bán lẻ ở các thị trường chiến lược...)

5. Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động thương mại số xuyên biên giới nhằm thúc đẩy tăng trưởng dựa trên công nghệ, dữ liệu, đổi mới sáng tạo và bền vững

a) Đào tạo, tư vấn, kết nối nhà cung cấp giải pháp cho doanh nghiệp kinh doanh quốc tế các dịch vụ Chatbot AI, công nghệ quản lý khách hàng, tự động hóa chăm sóc khách hàng, xử lý bảo hành, quản lý chuỗi cung ứng, tối ưu hóa các hoạt động vận chuyển, quản lý kho bãi, truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

b) Đào tạo và tư vấn chuyên sâu cho doanh nghiệp chuyển đổi mô hình kinh doanh số và xuất khẩu trực tuyến B2C; xây dựng và duy trì vận hành gian hàng trên các nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới; xây dựng lộ trình xâm nhập thị trường cho từng doanh nghiệp; phát triển thương hiệu và xúc tiến xuất khẩu trên nền tảng số, chăm sóc khách hàng quốc tế, thanh toán quốc tế.

c) Đồng hành, hướng dẫn doanh nghiệp đàm phán, ký kết các hợp tác, thỏa thuận với các sàn thương mại điện tử quốc tế; xử lý tranh chấp, bảo hộ sở hữu trí tuệ trên nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới.

d) Xây dựng và triển khai chương trình dán nhãn cho các doanh nghiệp uy tín của Việt Nam trên môi trường số (Trust Mark) cho các doanh nghiệp kinh doanh, bán hàng, cung cấp sản phẩm, dịch vụ uy tín trên môi trường số.

đ) Triển khai chiến dịch xúc tiến thương mại số quốc tế; tổ chức các sự kiện như “Tuần lễ thương mại số - Vietnam Digital Export Week” trên các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối giải pháp logistics thương mại điện tử xuyên biên giới; tư vấn pháp lý, hỗ trợ giải quyết tranh chấp và rào cản thương mại xuyên biên giới.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Nguyên tắc triển khai và cơ chế thực hiện**

a) Hỗ trợ tập trung, trọng tâm, trọng điểm, đột phá, không dàn trải, cụ thể, khả thi, triển khai được ngay, không trái với cam kết quốc tế, luật pháp của nước sở tại, phù hợp với định hướng ưu tiên của đất nước, nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và bối cảnh quốc tế trong từng thời kỳ.

b) Hỗ trợ có điều kiện gắn với thường xuyên đo lường, đánh giá hiệu quả thực hiện (KPI), đóng góp kinh phí cùng thực hiện và chia sẻ rủi ro; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

c) Hỗ trợ trên cơ sở các chính sách và pháp luật hiện hành, kết hợp với việc nghiên cứu, thí điểm và áp dụng các mô hình, cơ chế hỗ trợ mới; bảo đảm tính đồng bộ, kế thừa và phát huy tối đa hiệu quả của các nguồn lực, chương trình và sáng kiến hiện có.

d) Đơn giản hóa quy trình, thủ tục hỗ trợ và ứng dụng tối đa chuyển đổi số trong việc triển khai thực hiện; ưu tiên lựa chọn áp dụng định mức hỗ trợ, ưu đãi cao nhất theo các quy định hiện hành.

đ) Căn cứ nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách được bố trí trong năm tài chính, các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ lựa chọn thực hiện các hoạt động triển khai Chương trình thông qua hình thức trực tiếp thực hiện hoặc lựa chọn bên cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

## 2. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Các quỹ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp ngoài ngân sách nhà nước.

c) Các chương trình, dự án, đề án... về hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước hiện đang triển khai.

d) Huy động tài trợ từ các tổ chức quốc tế và đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức tham gia Chương trình và các nguồn hợp pháp khác.

## 3. Quản lý, giám sát thực hiện

a) Xây dựng bộ chỉ số đo lường và giám sát để cụ thể hóa các mục tiêu thực hiện Chương trình trên cơ sở tham khảo thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam. Tổ chức đánh giá, giám sát, đo lường kết quả và tác động hằng năm, giữa kỳ, tổng kết Chương trình và xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình.

b) Thực hiện cơ chế theo dõi, đánh giá và đo lường kết quả và tác động trước, trong và sau hỗ trợ của các hoạt động nhằm đo lường kết quả, rút kinh nghiệm và kịp thời điều chỉnh nội dung, phương thức triển khai Chương trình, hàng năm và theo từng giai đoạn.

#### 4. Trách nhiệm thi hành

##### a) Bộ Công Thương

- Thực hiện chức năng là cơ quan đầu mối của Chính phủ tổ chức triển khai Chương trình; chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan liên quan ở cấp trung ương và địa phương tổ chức triển khai Chương trình; chịu trách nhiệm về tính khả thi và hiệu quả tổng thể của Chương trình.

- Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hằng năm gửi Bộ Công Thương để tổng hợp, gửi Bộ Tài chính; hướng dẫn các địa phương xây dựng Chương trình địa phương vươn ra thị trường quốc tế (Chương trình Local Go Global) bảo đảm thống nhất và đồng bộ với Chương trình quốc gia; bảo đảm việc triển khai đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

- Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình và ban hành quy chế về quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trong quý II năm 2026; thành lập các Hội đồng chuyên gia tư vấn Chương trình (nếu cần thiết); thành lập Văn phòng Chương trình để giúp Bộ Công Thương quản lý Chương trình; xây dựng và vận hành Cổng thông tin GoGlobal; xây dựng và triển khai các nội dung truyền thông về Chương trình (bao gồm cả Diễn đàn GoGlobal Forum).

- Xây dựng bộ chỉ số đo lường và giám sát thực hiện Chương trình (GoGlobal Index) để cụ thể hóa các mục tiêu thực hiện Chương trình trên cơ sở tham khảo thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam trong quý I năm 2027.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất thành lập mô hình Quỹ hoặc hình thức phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế, báo cáo cấp có thẩm quyền trong quý IV năm 2026, bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 79/NQ-TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước và các quy định hiện hành.

- Trên cơ sở quy chế của Chương trình Thương hiệu quốc gia, rà soát, nâng cấp và hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu quốc gia, đăng ký bảo hộ, áp dụng chung cho tất cả sản phẩm, dịch vụ Việt Nam đáp ứng được các tiêu chí của Chương trình để sử dụng thống nhất trên thị trường trong nước, quốc tế; bảo đảm hình ảnh quốc gia nhất quán, chuyên nghiệp và dễ nhận biết; tạo điều kiện thuận lợi để các ngành hàng cùng phát huy giá trị thương hiệu chung của quốc gia; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2026.

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị liên quan rà soát, xác định các điểm nghẽn về thể chế, chính sách và pháp luật đối với doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế (nếu có); tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban

hành kế hoạch giải quyết các điểm nghẽn.

- Định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả triển khai Chương trình.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ

- Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hằng năm thực hiện Chương trình gửi Bộ Công Thương để tổng hợp trên cơ sở rà soát, thống nhất và đồng bộ với các chương trình, kế hoạch liên quan đến hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân do cơ quan được giao làm đầu mối và khung tiêu chí tại phụ lục (có thể bổ sung thêm tiêu chí cụ thể, nếu cần thiết) phù hợp với ưu tiên và phạm vi kinh phí được giao; bảo đảm thống nhất, hiệu quả trong sử dụng nguồn lực phát triển.

- Tổ chức thực hiện Chương trình trong phạm vi nguồn lực được giao theo quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật liên quan; hướng dẫn các đơn vị tham gia thực hiện, các doanh nghiệp có nhu cầu và đáp ứng điều kiện tham gia Chương trình lập và gửi hồ sơ đề xuất hỗ trợ để được xem xét, hỗ trợ theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, chất lượng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi Bộ Công Thương báo cáo tình hình, kết quả triển khai Chương trình; đồng thời thực hiện chế độ báo cáo đột xuất theo yêu cầu để phục vụ công tác tổng hợp, đánh giá.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế; phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan đại diện của đơn vị ở nước ngoài trong việc hỗ trợ doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ở nước sở tại.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố

- Xây dựng và ban hành Chương trình địa phương vươn ra thị trường quốc tế (Chương trình Local Go Global) trong năm 2026, bảo đảm có các chính sách hỗ trợ mang tính đặc thù đối với các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp ưu tiên, phù hợp với tiềm năng, lợi thế trên địa bàn theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật để hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trên địa bàn tham gia thị trường quốc tế.

- Ưu tiên bố trí đầy đủ nguồn lực tài chính và nhân lực để thực hiện Chương trình địa phương vươn ra thị trường quốc tế; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, chất lượng. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, gửi Bộ Công Thương báo cáo tình hình, kết quả triển khai Chương trình; đồng thời thực hiện chế độ báo cáo đột xuất theo yêu cầu để phục vụ công tác tổng hợp, đánh giá.

#### d) Bộ Tài chính

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư ra nước ngoài, xúc tiến đầu tư ra nước ngoài; phát huy vai trò của hệ thống tham tán đầu tư ở nước ngoài trong việc hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài; rà soát, đơn giản hóa thủ tục, quy trình cấp phép đầu tư ra nước ngoài.

- Hằng năm, trên cơ sở tổng hợp của Bộ Công Thương đối với đề xuất dự toán của các bộ, cơ quan trung ương, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ trì trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

#### đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Rà soát, hoàn thiện các chính sách tín dụng, quản lý ngoại hối hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để đầu tư sản xuất kinh doanh vươn ra thị trường quốc tế.

#### e) Bộ Ngoại giao

- Tận dụng và phát huy các khuôn khổ hợp tác với các đối tác để thúc đẩy hợp tác về kinh tế, thương mại nói chung, trong đó có hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam vươn ra thị trường quốc tế.

- Phát huy vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam mở rộng kinh doanh, đầu tư tại thị trường nước ngoài một cách hiệu quả, bền vững. Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin cập nhật về thị trường, đặc biệt là các chính sách, biện pháp mới về thương mại và đầu tư; tích cực kết nối, thúc đẩy các cơ hội hợp tác; bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường nước ngoài.

- Huy động sự tham gia, đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong việc giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài.

#### g) Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển vùng nguyên liệu, xuất khẩu công nghệ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản sang các quốc gia giàu tài nguyên nông, lâm nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về bền vững và trách nhiệm xã hội (phát thải thấp, bảo vệ đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững....) của các thị trường xuất khẩu.

#### h) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Rà soát, ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế về nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu của thị trường nước ngoài.

- Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam vươn ra thị trường quốc tế ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tiếp cận các hỗ trợ, ưu đãi từ Quỹ Nafosted và các quỹ phát triển khoa học công nghệ có liên quan.

#### i) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Rà soát, ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân tăng cường sử dụng và khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa dân tộc trong hoạt động đầu tư kinh doanh ở nước ngoài; đưa các giá trị văn hóa của Việt Nam trở thành nhân tố quan trọng giúp nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu quốc gia Việt Nam và tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài.

#### k) Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam

- Phát huy vai trò đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam; triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại và đầu tư ở nước ngoài.

- Nghiên cứu đề xuất thành lập Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài (Vietcham). Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2026.

#### l) Các hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp và các bên liên quan

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ để hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, doanh nhân vươn ra thị trường quốc tế; tích cực đồng hành cùng với Chính phủ và các địa phương trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động thuộc Chương trình.

- Năng động, sáng tạo vận dụng các chính sách hỗ trợ tại Chương trình để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ở thị trường quốc tế; chủ động đề xuất các sáng kiến, khuyến nghị gửi các cơ quan liên quan để nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình, phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

#### m) Các doanh nghiệp

Chủ động tham gia và khai thác có hiệu quả các hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh ở nước ngoài phù hợp với nhu cầu và năng lực của doanh nghiệp; bảo đảm tuân thủ quy định về hỗ trợ khi tham gia Chương trình.



**Phụ lục**  
**KHUNG ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, LĨNH VỰC, THỊ TRƯỜNG**  
**VÀ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 626 /QĐ-TTg  
ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Đối tượng	Nội dung, phạm vi ưu tiên
<b>I</b>	<b>Ngành, lĩnh vực</b>	
1.	Nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>• Công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản.</li><li>• Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ bền vững.</li></ul>
2.	Công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>• Công nghiệp chế biến, chế tạo (điện tử, cơ khí chế tạo, dệt may, da giày, công nghiệp môi trường...).</li><li>• Công nghiệp công nghệ số và công nghệ thông tin.</li><li>• Công nghiệp hỗ trợ.</li></ul>
3.	Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"><li>• Dịch vụ phân phối (bán buôn, bán lẻ, nhượng quyền thương mại).</li><li>• Dịch vụ số và dịch vụ kết nối (thương mại điện tử, dịch vụ logistics, tài chính, du lịch, dịch vụ kinh doanh...).</li><li>• Dịch vụ văn hóa có giá trị cao (phim ảnh, âm nhạc, ẩm thực, thời trang...).</li></ul>
<b>II</b>	<b>Thị trường, đối tác</b>	
1.	Thị trường các quốc gia lân cận (Đông Nam Á, Đông Bắc Á)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Phát triển các trung tâm phân phối khu vực, kết nối chuỗi cung ứng, phát triển logistics lạnh và thương mại điện tử xuyên biên giới.</li></ul>
2.	Thị trường giá trị cao, tiêu chuẩn khắt khe (EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc...)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nâng chuẩn chất lượng và trách nhiệm môi trường, xã hội (ESG), số hóa truy xuất nguồn gốc.</li><li>• Phát triển dịch vụ sau bán hàng, thành lập văn phòng R&amp;D, marketing xuất khẩu và xây dựng thương hiệu; thiết lập mạng lưới đối tác bán lẻ.</li><li>• Xây dựng và vận hành kho ngoại quan, trung tâm phân phối tại thị trường trọng điểm để rút ngắn thời gian giao hàng và củng cố thương hiệu.</li><li>• Đầu tư M&amp;A vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên để tiếp cận công nghệ, thương hiệu, hệ thống phân phối và mô hình quản trị tiên tiến.</li></ul>

3.	Thị trường tiềm năng (Trung Đông, Nam Á, châu Phi, Mỹ Latinh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Công nghiệp chế biến, chế tạo (dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ...); nông nghiệp và công nghệ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; sản phẩm Halal; du lịch hồi giáo, kênh phân phối.</li> <li>• Đầu tư vào các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, khai thác khoáng sản để cung cấp nguồn cung nguyên liệu cho sản xuất trong nước.</li> </ul>
<b>III Doanh nghiệp</b>		
1.	Doanh nghiệp sẵn sàng tham gia thị trường quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh nghiệp đã hoạt động ổn định, bền vững ở thị trường trong nước;</li> <li>• Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có mô hình kinh doanh số, giải pháp công nghệ, dịch vụ B2B, sản phẩm đặc thù, có tiềm năng mở rộng kinh doanh quốc tế.</li> </ul>
2.	Doanh nghiệp đã tham gia thị trường quốc tế, tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Gia tăng sự hiện diện ở nước ngoài thông qua các hoạt động mới như đầu tư sản xuất, kinh doanh, mở văn phòng đại diện, xây dựng hệ thống phân phối, trung tâm R&amp;D...</li> <li>• Nâng cấp tham gia vào phân khúc có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu; kết nối chuỗi cung ứng quốc tế.</li> <li>• Đầu tư M&amp;A để tiếp cận công nghệ, thương hiệu, hệ thống phân phối và mô hình quản trị tiên tiến.</li> </ul>